

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78/2018/HS-ST**

Ngày: 11/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Kim Hoàng.

Ông Trần Đức Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Đặng Ngọc Hoàng A**; Sinh ngày: 05/7/1996; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 15/3 đường LCH, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn K và bà: Huỳnh Hồng C; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Ngày 18/11/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội « Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản » (Bản án số: 250/2016/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2017 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 7/2017/GCN của Cơ quan Thi hành án hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh); Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 20/3/2018.

(có mặt)

2. **Nguyễn Duy T**; Sinh ngày: 20/12/1996; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 98/70 (số cũ: 98/100) đường PHI, Phường O, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Duy P (chết) và bà: Châu Thị Kim P; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 03/12/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18

tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 206/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 08/4/2017 (Giấy chứng nhận về việc chấp hành xong Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc số: 99/GCN-TR3 ngày 30/3/2017 của Trường Giáo dục Đào tạo và Giải quyết việc làm Số 3); Bị bắt, tạm giam ngày 13/3/2018.

(có mặt)

- Bị hại:

Bà Hồ Ngọc Đ; Sinh năm: 1975; Trú tại: 69/14C đường VT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đặng Văn K; Sinh năm: 1970; Trú tại: 98A đường VT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

2. Bà Lê Thị H; Sinh năm: 1965; Trú tại: 334/12 đường GP, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Ông Huỳnh Tuấn A; Sinh năm: 1986; Trú tại: 69/14D đường VT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thu T; Sinh năm: 1976; Trú tại: 293 đường HG, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 11/3/2018, Đặng Ngọc Hoàng A điều khiển xe gắn máy biển số 53V6-1951 chở Nguyễn Duy T và Trương Minh P lưu thông vào hẻm 69 đường VT, Phường H, Quận F (P ngồi phía trước, T ngồi phía sau xe, Hoàng A ngồi giữa). Khi đến trước nhà số 69/14C đường VT, Hoàng A phát hiện bà Hồ Ngọc Đ đang ngồi trước cửa nhà này và trên cổ bà Đ có đeo sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, nên rủ T giật sợi dây chuyền bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi T đồng ý, Hoàng A dừng xe kêu P ra phía sau ngồi, để T ngồi giữa cho dễ giật và Hoàng A cũng dễ điều khiển xe tẩu thoát. Sau đó, Hoàng A điều khiển xe quay lại áp sát bà Đ, T dùng tay phải kéo áo che mặt để không bị phát hiện, tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ bà Đ. Sau khi T giật được sợi dây chuyền, Hoàng A tăng ga tẩu thoát đến đường PVC cho P xuống. Còn Hoàng A và T đem sợi dây chuyền đến tiệm vàng TĐ trên đường ADV, Phường P, Quận H bán cho bà Nguyễn Thị Ngọc H lấy 6.000.000 đồng chia nhau tiêu xài. Riêng

chiếc xe gắn máy biển số 53V6-1951 thì Hoàng A đưa cho T sử dụng. Để tránh bị phát hiện, T sơn chiếc xe thành màu bạc rồi đem gửi cho bà Nguyễn Thu T.

Qua truy xét, ngày 13/3/2018, Nguyễn Duy T bị bắt giữ. Đến ngày 20/3/2018, Đặng Ngọc Hoàng A bị bắt giữ. Qua đấu tranh, cả hai đều khai nhận đã thực hiện hành vi nêu trên.

Tại Văn bản số: 919/TCKH ngày 15 tháng 6 năm 2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6 thống nhất giá như sau: 01 sợi dây chuyền chữ công bông 18k, cân nặng 3,06 chỉ, có giá là: 5.279.000 đồng.

Đối với Trương Minh P, sinh ngày 04/7/2004, do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không truy cứu.

Đối với bà Nguyễn Thu T, là người có hành vi cất giữ chiếc xe gắn máy biển số 53V6-1951, nhưng bà không biết đó là phương tiện phạm tội, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H (chủ tiệm vàng TĐ), Cơ quan điều tra không đủ cơ sở xác định bà H có mua sợi dây chuyền từ Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T.

Tại Cáo trạng số: 83/CT-VKS ngày 20 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T về tội « Cướp giật tài sản » theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T đều khai nhận chính các bị cáo, đã sử dụng xe gắn máy loại xe Wave màu đen, biển số 53V6-1951 thực hiện hành vi giật của bà Hồ Ngọc Đ 01 sợi dây chuyền vàng 18k tại trước nhà số 69/14C đường VT, Phường H, Quận F vào chiều ngày 11/3/2018 như bản cáo trạng nêu. Và bị cáo Nguyễn Duy T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đặng Văn K xác nhận sau sự việc xảy ra, ông đã thỏa thuận bồi thường cho bà Hồ Ngọc Đ 4.000.000 đồng và bà Đ đã làm đơn bãi nại cho con ông là bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A. Nay, ông không có ý kiến gì về phần bồi thường, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho con ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A từ 05 năm đến 06 năm tù về tội « Cướp giật tài sản » theo điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 04 năm đến 05 năm tù về tội « Cướp giật tài sản » theo điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Nguyễn Duy T bồi thường cho bà Hồ Ngọc Đ 3.541.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe gắn máy có số khung LD5XCHLA3Y52M0007, số máy LF1P52FMH-3Y0273219 (loại xe hai bánh, nhãn hiệu Dona, dung tích 108).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm hiệu Nón Sơn màu xám; 01 đôi dép màu xám (có ghi chữ adada) và 01 biển số xe 53V6-1951 giả.

Trả lại ông Huỳnh Tuấn A 01 USB đã được niêm phong, có chữ ký ghi tên Huỳnh Tuấn A và hình dấu Công an Phường 8, Quận 6.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và đều xin Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera ngày 13/3/2018, Biên bản thực nghiệm điều tra ngày 18/3/2018 của Công an Quận 6; lời khai của bị hại Hồ Ngọc Đ, của Trương Minh P, của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T đã phạm tội « Cướp giật tài sản ». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T đã dùng xe mô tô làm phương tiện để cướp giật của bà Hồ Ngọc Đ 01 sợi dây chuyền vàng 18k (dạng

chữ công bọng), cân nặng 3,06 chỉ, trị giá 5.279.000 đồng, là phạm tội « Cướp giật tài sản » thuộc trường hợp: « Dùng thủ đoạn nguy hiểm » theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi của các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T là quá táo bạo và liều lĩnh, không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung mà còn có thể gây hậu quả khó lường cho tính mạng, sức khỏe của bị hại và của những người tham gia lưu thông nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T đều có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Trong vụ án, bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A là người chủ động rủ rê và giúp sức tích cực cho bị cáo Nguyễn Duy T thực hiện hành vi phạm. Còn bị cáo Nguyễn Duy T là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản. Tuy các bị cáo có thống nhất cùng nhau thực hiện tội phạm, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, nên hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn.

[3] Bản thân bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, ngày 18/11/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 06 tháng tù về tội « Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản », chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Còn bị cáo Nguyễn Duy T ngày 03/12/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 6 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy. Cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, nhưng các bị cáo vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội với tính chất, mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T là rất nghiêm trọng, bởi cướp giật tài sản từ lâu đã trở thành vấn nạn nhức nhối, trở thành nỗi ám ảnh của không ít người dân, gây bức xúc trong dư luận, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án thật nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A đã tích cực tác động, đề nghị gia đình bồi thường thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và được bị hại bãi nại, còn bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội lần đầu, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình tùy theo mức độ, vai trò

của từng bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Xét các bị cáo này không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Việc bồi thường thiệt hại: Các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T chiếm đoạt và làm thiệt hại của bà Hồ Ngọc Đ sợi dây chuyền chữ công bọng bằng vàng 18k, có trọng lượng 3,06 chỉ (theo Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6 thì trị giá của sợi dây chuyền này là 5.279.000 đồng). Tại Cơ quan điều tra, bà Diệp yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bà trị giá sợi dây chuyền này là 7.541.000 đồng. Ngày 10/4/2018, cha của bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A là ông Đặng Văn K đã thỏa thuận bồi thường cho bà Đ 4.000.000 đồng, bà Đ đã nhận đủ tiền và làm đơn bãi nại cho bị cáo Hoàng A. Còn lại 3.541.000 đồng, bà Đ yêu cầu bị cáo Nguyễn Duy T bồi thường. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà Đ. Xét đây hoàn toàn là do sự tự nguyện của bị cáo T, không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bà Hồ Ngọc Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Nguyễn Duy T chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Nguyễn Duy T còn phải trả bà Hồ Ngọc Đ khoản lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Việc xử lý vật chứng: Chiếc xe gắn máy biển số 53V6-1951 mà các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T sử dụng làm phương tiện phạm tội, theo Phiếu trả lời xác minh số: 3435/TLXM-CSGT ngày 28/6/2018 của Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thì chiếc xe này có số khung LD5XCHLA3Y52M0007, số máy LF1P52FMH-3Y0273219 (loại xe hai bánh, nhãn hiệu Dona, dung tích 108), do bà Lê Thị H đứng tên chủ xe. Năm 2007, bà H đã bán chiếc xe lại cho người khác, nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu và bà H xác nhận không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe này. Ngày 15/6/2018, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã đề nghị thông báo tìm chủ sở hữu của chiếc xe trên Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng đến nay vẫn không có ai đến nhận. Còn bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A khai cầm chiếc xe này từ một người tên H1 (không rõ lai lịch) với giá 1.700.000 đồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy nói trên hiện chưa rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nên nếu trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe thì tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Còn nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì trả lại cho họ. Còn biển số 53V6-1951 là biển số giả, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, vì theo Phiếu trả lời xác minh số: 3077/TLXM-CSGT ngày 22/3/2018 của Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thì biển số 53V6-1951 thật là của chiếc xe gắn máy có số máy 01048304-LC152FMH, số khung 00000958-XCHL (loại xe hai bánh, sơn màu Đỏ, số loại 110D, dung tích 108), do ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1973, trú tại 42/7A đường TN, Phường M, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ xe.

Đối với 01 nón bảo hiểm hiệu Nón Sơn màu xám và 01 đôi dép màu xám (có ghi chữ adada), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 01 USB đã được niêm phong, có chữ ký ghi tên Huỳnh Tuấn A và hình dấu Công an Phường 8, Quận 6, là tài sản hợp pháp của ông Huỳnh Tuấn A, nên Hội đồng xét xử trả lại ông Huỳnh Tuấn A theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 52/PNK ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Công an Quận 6 - BL155).

[8] Đối với Trương Minh P, do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Viện kiểm sát không truy tố, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với bà Nguyễn Thu T, Viện kiểm sát xác định bà T không biết chiếc xe gắn máy biển số 53V6-1951 mà bị cáo Nguyễn Duy T gửi cho bà là phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn bà Nguyễn Thị Ngọc H, do không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo **Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T** phạm tội « Cướp giật tài sản ».

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Ngọc Hoàng A** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2018.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy T** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2018.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy T bồi thường cho bà Hồ Ngọc Đ 3.541.000 (ba triệu năm trăm bốn mươi một ngàn) đồng.

Kể từ ngày bà Hồ Ngọc Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Nguyễn Duy T chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Nguyễn Duy T còn phải trả bà Hồ Ngọc Đ khoản lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc xe gắn máy có số khung LD5XCHLA3Y52M0007, số máy LF1P52FMH-3Y0273219 (loại xe hai bánh, nhãn hiệu Dona, dung tích 108), nếu trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe. Còn nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì trả lại cho họ.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) nón bảo hiểm hiệu Nón Sơn màu xám; 01 (một) đôi dép màu xám (có ghi chữ adada) và 01 (một) biển số xe 53V6-1951 giả.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại ông Huỳnh Tuấn A 01 (một) USB đã được niêm phong, có chữ ký ghi tên Huỳnh Tuấn A và hình dấu Công an Phường 8, Quận 6.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Đặng Ngọc Hoàng A, Nguyễn Duy T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đặng Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên